

Bản án số: 47/2019/HS-PT.
Ngày: 07-8-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.

Các Thẩm phán: Ông Mai Thiện Kế.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiên Thắng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06-8-2019 và 07-8-2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 36/2019/TLPT-HS ngày 11-6-2019 đối với bị cáo Mai Hoàng Duy H do có kháng cáo của bị cáo H và người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện MX, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Mai Hoàng Duy H; Sinh năm: 1987; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi cư trú: Khóm B, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông NLQ (sống) và bà Trần Thị Mỹ D (sống); có vợ là bà Tôn Thị Thúy Q, sinh năm 1986 và 01 người con sinh năm 2016; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30-11-2018 đến nay (có mặt).

- Bị hại: Ông Lưu Kiến T; Sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Ấp H, thị trấn P huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Ông Lưu Thủy B; Sinh năm: 1939; Nơi cư trú: ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; là cha ruột của bị hại. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lưu Thủy B: Ông Lưu Thông T; Sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà Ngô Ánh S; Sinh năm: 1936; Nơi cư trú: ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lưu Thủy B:*

1. Ông Trương Hoài P-luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Ông Trịnh Văn H-luật sư của Văn phòng luật sư G thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NLQ; Sinh năm: 1957; Nơi cư trú: Khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Ông NLC1; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp S, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông NLC2; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông NLC3; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông NLC4; Sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông NLC5; Sinh năm: 1981; Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

6. Ông NLC6; Sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

7. Ông NLC7; Sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

8. Bà NLC8; Sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

9. Ông NLC9; Sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp P, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

10. Bà NLC10; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp 1, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

11. Ông NLC11; Sinh năm: 1953; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

12. Bà NLC12; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

13. Ông NLC13; Sinh năm: 1995; Nơi cư trú: Ấp L, xã N, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

14. Ông NLC14; Sinh năm: 1970; Nơi cư trú: Ấp Khu 2, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

15. Ông NLC15; Sinh năm: 1976; Nơi cư trú: Ấp N, xã Q, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

16. Ông NLC16; Sinh năm: 1975; Nơi cư trú: Khóm N, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

17. Ông NLC17; Sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Ấp S, xã Đ, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

18. Bà NLC 18; Sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Ấp M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 06-12-2016, Mai Hoàng Duy H (đã có giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83Hx-xxxx từ thành phố S đi thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để dự đám hỏi, tại đây thì Mai Hoàng Duy H có uống 02 ly bia. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, Mai Hoàng Duy H bắt đầu điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 83Hx-xxxx lưu thông trên tuyến Quốc lộ 1A theo hướng Bạc Liêu-Sóc Trăng để quay về nhà ở thành phố S. Lúc khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, khi qua khỏi cầu C thuộc địa phận ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng, H phát hiện phía trước khoảng hơn 200m có xe ô tô khách giường nằm biển số 83B-xxx.xx của nhà xe B đã dừng sát lề lộ bên phải theo hướng lưu thông (trước Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu T, đầu xe quay hướng Sóc Trăng, đuôi xe quay hướng Bạc Liêu). Khi gần đến xe ô tô khách B thì bị cáo H điều khiển xe tránh qua trái để vượt qua xe ô tô khách. Khi vượt qua xe ô tô khách do bị cáo không chú ý quan sát nên không phát hiện ông Lưu Kiến T đang đứng cặp bên hông trái của xe ô tô khách và xe mô tô do bị cáo điều khiển đã va chạm từ phía sau vào người của ông T, làm ông T ngã ngửa về phía sau và bị thương nằm bất động trên mặt lộ, còn xe mô tô do bị cáo H điều khiển thì chao đảo và ngã trượt về phía trước nằm trên phần đường bên trái theo hướng Bạc Liêu-Sóc Trăng. Tai nạn làm ông Lưu Kiến T bị thương nặng ở vùng đầu và chân trái, được đưa đến Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ điều trị, đến 15 giờ 10 phút ngày 07-12-2016 thì tử vong, còn bị cáo H bị thương nhẹ.

Tại Bản kết luận giám định Pháp y về tử thi số 189/PY.PC54 ngày 13-12-2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Nguyên nhân chết của ông Lưu Kiến T là do đa chấn thương/tai nạn giao thông.

Tại Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 45/18/GĐHS ngày 07-11-2018 của Viện pháp y Quốc gia-Phân viện tại TP. Hồ Chí Minh kết luận: Vết thương 1/3 dưới mặt sau cẳng chân trái của nạn nhân Lưu Kiến T là loại vết trầy xước da, bầm tím do vật tày tác động trực tiếp theo chiều từ sau ra trước cơ thể nạn nhân gây nên; Nhiều khả năng do vật tác động trực tiếp với một lực đủ mạnh vào vị trí hai vết thương trên gây gãy xương và tạo nên vết thương ở 1/3 dưới mặt trước ngoài cẳng chân trái của nạn nhân Lưu Kiến T; Nhận định cơ chế và chiều hướng tác động: Lực tác động trực tiếp từ phía sau vùng dưới ngoài cẳng chân trái gây gãy xương mác và 1/3 dưới xương chày. Đầu gãy xương chày gây nên vết thương rách da ở 1/3 dưới, mặt trước ngoài cẳng chân trái, gây ngăn chỉ lệch trục cẳng chân trái, để lộ đầu xương gãy ra ngoài.

Tại Bản án sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện MX, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Mai Hoàng Duy H phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 202, khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các điều 584, 585, 586, 591 và 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 111 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xử phạt bị cáo Mai Hoàng Duy H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành án tính từ ngày bị cáo bị bắt thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Mai Hoàng Duy H bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại Lưu Kiến T số tiền 185.840.000 đồng (Bao gồm các khoản chi phí mai táng, tiền chôn, tiền xây mộ, chi phí điều trị tại bệnh viện, tiền tổn thất tinh thần).

+ Buộc bị cáo Mai Hoàng Duy H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Lưu Thủy B, sinh năm 1939 và bà Ngô Ánh S, sinh năm 1936 bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở/người/tháng tương đương 695.000 đồng/người/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông B và bà S chết.

- Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22-5-2019, người diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại như sau: Về hình sự, tăng hình phạt đối với bị cáo H vì bị cáo phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 do có hai tình tiết là lái xe quá tốc độ cho phép, lái xe khi có nồng độ cồn vượt quá quy định, mất bằng lái xe nhưng vẫn lái xe tông chết người; Về trách nhiệm dân sự, buộc ông NLQ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bồi thường các khoản chi phí cấp cứu cho Lưu Kiến T tại bệnh viện, chi phí đám tang là 74.640.000 đồng, tổn thất tinh thần là 139.000.000 đồng, tiền cấp dưỡng cho ông B và bà S mỗi người là 2.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 12-2016 cho đến khi ông B, bà S mất, tiền mất thu nhập và chi phí đi lại, khiếu nại, thưa kiện đối với vụ án này là 194.000.000 đồng.

Ngày 24-5-2019, bị cáo Mai Hoàng Duy H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Mai Hoàng Duy H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo là xem xét lại bản án sơ thẩm.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo H. Từ đó, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo H từ 03 đến 06 tháng tù.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lưu Thủy B là ông Trương Hoài P trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo

của bị cáo H và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo H, buộc ông NLQ bồi thường thiệt hại cho người đại diện hợp pháp của bị hại theo nội dung kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lưu Thủy B là ông Trịnh Văn H trình bày: Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo H là không có cơ sở. Bởi vì, đến thời điểm bị cáo H hoặc người thân của bị cáo H chưa bồi thường cho người đại diện của bị hại hoặc nộp tiền cho cơ quan chức năng để bồi thường cho người đại diện của bị hại. Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giảm hình phạt cho bị cáo H không có cơ sở. Đối với bị cáo H khi gây tai nạn cho bị hại T đã có uống rượu bia, chạy quá tốc độ và không có giấy phép lái xe hạng A1 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để xét xử và tăng hình phạt đối với bị cáo H. Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại T về phân trách nhiệm dân sự, buộc ông NLQ phải có trách nhiệm bồi thường các khoản chi phí cho người đại diện hợp pháp của bị hại vì ông NLQ là người chủ xe mô tô mang biển kiểm soát 83Hx-xxxx. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm ông NLQ đã tự nguyện thay bị cáo H bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 100.000.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không công nhận là không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc ông NLQ cấp dưỡng cho những người mà bị hại có trách nhiệm cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng/người thời hạn cấp dưỡng từ ngày bị hại chết. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng tại phiên tòa: Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án NLQ có đơn xin xét xử vắng mặt, còn những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện MX vào ngày 22-5-2019; Đơn kháng cáo của bị cáo H lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện MX vào ngày 24-5-2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo

của ông Lưu Thủy B về yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo H và buộc ông NLQ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và tăng số tiền phải bồi thường và kháng cáo của bị cáo Mai Hoàng Duy H về việc yêu cầu xem xét lại bản án.

[3] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo H: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thừa nhận vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06-12-2016 bị cáo H có điều khiển xe mô tô biển số 83Hx-xxxx trên tuyến Quốc lộ 1A theo hướng từ Bạc Liêu về Sóc Trăng khi đến trước Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu T thuộc khu vực ấp C, xã T, huyện MX, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo điều khiển xe vượt xe khách B, khi vừa vượt tới đầu xe khách B thì bị hại Lưu Kiến T từ bên trong đi ra lộ làm bị cáo không tránh kịp nên đụng vào người ông T làm cả hai té ngã. Tai nạn xảy ra làm ông T bị thương nặng và chết, còn bị cáo H bị thương nhẹ. Tuy nhiên, theo Biên bản ghi lời khai các ngày 14-6-2016 và 20-7-2018 đối với người làm chứng NLC2 (bút lục số 371-377); Biên bản ghi lời khai ngày 16-6-2017 đối với người làm chứng NLC3 (bút lục số 353-356); Biên bản ghi lời khai ngày 20-6-2017 đối với người làm chứng NLC6 (Bút lục số 386-387); Biên bản ghi lời khai ngày 17-7-2017 đối với người làm chứng NLC7 (bút lục số 394-395); Biên bản ghi lời khai ngày 08-6-2017 đối với người làm chứng NLC9 (bút lục số 407-408); Biên bản ghi lời khai ngày 27-5-2018 đối với người làm chứng NLC11 (bút lục số 421-424); Biên bản ghi lời khai ngày 04-6-2018 đối với người làm chứng NLC 15 (bút lục số 451-454) thì xác định được vị trí bị hại T nằm sau khi bị tai nạn là ở khoảng giữa hai bánh xe, cách bánh xe sau khoảng 01 m của xe khách B và lúc này xe khách B đang đỗ cặp lề đường. Lời khai của những người làm chứng trên là phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có căn cứ xác định vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06-12-2016 bị cáo Mai Hoàng Duy H có giấy phép lái xe hạng A1 điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 83H8-6041 trên tuyến Quốc lộ 1A theo hướng từ Bạc Liêu về Sóc Trăng khi đến trước Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu Trường Thành thuộc khu vực ấp C, xã T, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo điều khiển xe mô tô vượt xe khách B đang đỗ cặp lề đường thì đụng vào người của bị hại Lưu Kiến T tại vị trí cách bánh xe sau của xe khách B khoảng 01 m, tai nạn làm cho bị hại T bị đa chấn thương dẫn đến tử vong. Theo kết luận giám định, nguyên nhân chết của ông Lưu Kiến T là do đa chấn thương/tai nạn giao thông. Bị cáo Mai Hoàng Duy H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đã có hành vi điều khiển xe mô tô hai bánh vượt xe không an toàn dẫn đến gây tai nạn làm cho ông Lưu Kiến T bị đa chấn thương dẫn đến chết. Bị cáo H đã vi phạm quy định tại Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Do vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Mai Hoàng Duy H về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, theo quy định tại khoản 1 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 1999) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4] Xét khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đồng thời, Hội đồng xét xử sơ thẩm

đã xác định bị cáo H là bị cáo có nhân thân tốt và cha bị cáo được tặng thưởng huân chương lao động hạng nhì, từ đó áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Đối với việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị hại có một phần lỗi là không có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử phạt bị cáo H 01 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như đặc điểm nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp phúc thẩm áp dụng đối với bị cáo. Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B cho rằng bị cáo H lái xe gây tai nạn khi đã có uống rượu bia, chạy quá tốc độ và không có giấy phép lái xe nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử và chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở. Bởi vì, mặc dù bị cáo H thừa nhận có uống hai ly bia trước khi gây tai nạn nhưng không có chứng cứ xác định bị cáo gây tai nạn trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định; không có chứng cứ xác định bị cáo điều khiển xe chạy quá tốc độ cho phép khi gây tai nạn và theo Công văn số 01/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 11-01-2019 của Sở Giao thông-vận tải tỉnh Sóc Trăng và Công văn số 15/CV-PC08 ngày 15-01-2019 của Phòng Cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Sóc Trăng cho thấy tại thời điểm xảy ra tai nạn bị cáo Mai Hoàng Duy H đã được cấp giấy phép lái xe hạng A1 và không bị tước giấy phép lái xe. Xét từ khi khởi tố vụ án đến nay, bị cáo H cũng như người thân của bị cáo không bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại hoặc nộp tiền tại cơ quan chức năng để bồi thường; việc ông NLQ nộp số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho đại diện bị hại là trước khi khởi tố vụ án để bồi thường với điều kiện không xử lý hình sự đối với bị cáo và khi phía đại diện bị hại không đồng ý nhận thì ông NLQ đã nhận lại số tiền trên. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

[5] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà phía người đại diện hợp pháp của bị hại đã giao nộp và đã được xem xét tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và các điều 590, 591, 593 và khoản 2 Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại và mức bồi thường thiệt hại đối với bị hại như sau:

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại T yêu cầu ông NLQ phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do bị cáo H gây ra vì xe mô tô mà bị cáo H điều khiển gây tai nạn làm bị hại chết là

nguồn nguy hiểm cao độ thuộc quyền sở hữu của ông NLQ. Đồng thời, người bảo vệ quyền và lợi ích của người đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm ông NLQ thông nhất bồi thường cho phía gia đình bị hại số tiền là 100.000.000 đồng nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không công nhận. Xét ông NLQ xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và theo biên bản phiên tòa sơ thẩm thì ông NLQ không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại. Như vậy, các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm bồi thường nên Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong vụ án theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015: “Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Trong vụ án này, mặc dù ông NLQ là chủ sở hữu xe mô tô mang biển kiểm soát 83Hx-xxxx nhưng đã giao cho bị cáo H quản lý, sử dụng và bị cáo H gây tai nạn làm bị hại chết. Vì vậy, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo H là người có trách nhiệm bồi thường thiệt hại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B về việc chấp nhận kháng cáo của ông B buộc ông NLQ có trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

[7] Về mức bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại các khoản gồm: Chi phí cứu chữa, chi phí mai táng tổng số tiền là 74.640.000 đồng; bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho ông Lưu Thủy B và bà Ngô Ánh S tổng số tiền là 111.200.000 đồng; cấp dưỡng cho ông Lưu Thủy B và bà Ngô Ánh S mỗi người 695.000 đồng/tháng. Xét Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định mức bồi thường thiệt hại như trên là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo H cấp dưỡng cho ông B và bà S từ khi xét xử sơ thẩm đến khi ông, bà chết là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông B, sửa một phần án sơ thẩm, buộc bị cáo H cấp dưỡng cho ông B, bà S từ ngày 07-12-2016 đến khi ông B, bà S chết. Đối với yêu cầu của ông B về bồi thường tiền mất thu nhập và chi phí đi lại khiếu nại, thưa kiện đối với vụ án này là 194.000.000 đồng là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của Điều 591 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, sửa một phần bản án sơ thẩm về bồi thường thiệt hại.

[9] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.592.000 đồng (án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.592.000 đồng).

[10] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Hội đồng xét xử sơ thẩm trả lại cho bị cáo Mai Hoàng Duy H 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 940072005386 (do Mai Hoàng Duy H đứng tên); trả lại cho ông NLQ 01 xe mô tô mang biển kiểm soát 83H8-6041 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 83H8-6041 (do NLQ đứng tên) là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B không phải chịu án phí phúc thẩm.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm của bị cáo Mai Hoàng Duy H.

Không chấp nhận kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Mai Hoàng Duy H của người đại diện hợp pháp của bị hại và chấp nhận một phần kháng cáo về bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Sửa một phần nội dung về bồi thường thiệt hại của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 10-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện MX, tỉnh Sóc Trăng

2. Căn cứ khoản 1 Điều 202; khoản 2 Điều 46 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Mai Hoàng Duy H.

Xử phạt bị cáo Mai Hoàng Duy H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ vào khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Mai Hoàng Duy H 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A1 số 940072005386 (do Mai Hoàng Duy H đứng tên).

- Trả lại cho ông NLQ 01 (Một) xe mô tô mang biển kiểm soát 83H8-6041 và 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 83H8-6041 (do NLQ đứng tên).

Các vật chứng và tài sản trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện MX, tỉnh Sóc Trăng quản lý (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 22-02-2019 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện MX và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MX, tỉnh Sóc Trăng).

4. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 590, 591, 601 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 111 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Xử buộc bị cáo Mai Hoàng Duy H bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B và bà Ngô Ánh S các khoản chi phí cứu chữa, mai táng bị hại Lưu Kiến T và tiền tổn thất tinh thần với tổng số tiền 185.840.000 đồng (Một trăm tám mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Xử buộc bị cáo Mai Hoàng Duy H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Lưu Thủy B, sinh năm 1939 và bà Ngô Ánh S, sinh năm 1936 số tiền là 695.000 đồng/người/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07-12-2016 cho đến khi ông B và bà S chết, theo phương thức cấp dưỡng hàng tháng.

- Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10% (Mười phần trăm)/năm.

+ Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Mai Hoàng Duy H chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Mai Hoàng Duy H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.592.000 đồng (Chín triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn đồng).

- Bị cáo Mai Hoàng Duy H chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Kiến T là ông Lưu Thủy B không phải chịu án phí phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01)
- TAND huyện MX (02);
- VKSND huyện MX (01);
- CQĐT - Công an huyện MX (01);
- CQTHAHS-Công an huyện MX (02);
- Chi cục THADS huyện MX (01);
- Bị cáo, bị hại, NLQ (06).
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- PHSNV- Công an tỉnh Sóc Trăng (01)
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu hs, THS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thanh Vũ